

ÔN TẬP CUỐI KỲ II - 2023

Câu 1: Theo cách phân loại hiện hành nước ta có

- A. 2 nhóm với 28 ngành.
- B. 3 nhóm với 29 ngành.
- C. 4 nhóm với 30 ngành.
- D. 5 nhóm với 31 ngành.

Câu 2: Trong cơ cấu sản lượng điện của nước ta hiện nay, tỉ trọng lớn nhất thuộc về

- A. nhiệt điện, thủy điện.
- B. nhiệt điện, điện gió.
- C. thủy điện, điện nguyên tử.
- D. thủy điện, điện gió.

Câu 3: Ở nước ta, ngành công nghiệp nào sau đây cần ưu tiên đi trước một bước?

- A. Điện lực.
- B. Sản xuất hàng tiêu dùng.
- C. Chế biến dầu khí.
- D. Chế biến nông - lâm - thủy sản.

Câu 4: Than nâu tập trung nhiều nhất ở vùng nào sau đây?

- A. Trung du miền núi Bắc Bộ.
- B. Đông Nam Bộ.
- C. Đồng bằng sông Hồng.
- D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 5: Cơ cấu sản xuất công nghiệp của nước ta đang chuyển dịch theo hướng nào sau đây?

- A. Tăng tỉ trọng công nghiệp chế biến.
- B. Tăng tỉ trọng công nghiệp khai thác.
- C. Tăng tỉ trọng sản phẩm chất lượng thấp.
- D. Giảm tỉ trọng của các sản phẩm cao cấp.

Câu 6 : Chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu sản lượng điện của nước ta hiện nay là

- A. nhiệt điện và điện gió.
- B. thủy điện và điện Mặt Trời.
- C. nhiệt điện và thủy điện.
- D. nhiệt điện và điện Mặt Trời.

Câu 7. Hoạt động của các nhà máy thủy điện nước ta gặp khó khăn chủ yếu nào sau đây?

- A. Sông ngòi ngắn và dốc.
- B. Cơ sở hạ tầng yếu kém.
- C. Sự phân mùa của khí hậu.
- D. Thiếu lao động kĩ thuật.

Câu 8. Cơ cấu ngành công nghiệp của nước ta có sự chuyển dịch rõ rệt nhằm mục đích chủ yếu nào sau đây?

- A. Hội nhập vào thị trường khu vực và thế giới.
- B. Thích nghi với thay đổi của thị trường khu vực.
- C. Phù hợp với xu thế khu vực hóa, toàn cầu hóa.
- D. Thúc đẩy sự phát triển của ngành công nghiệp.

Câu 9 : Đường dây tải điện siêu cao áp 500 KV Bắc - Nam nối hai địa điểm nào sau đây?

- A. Hòa Bình - Cà Mau.
- B. Lạng Sơn - Cà Mau.
- C. Hòa Bình - Phú Lâm.
- D. Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh.

Câu 10. Cán cân ngoại thương nước ta chuyển sang xuất siêu trong thời gian gần đây chủ yếu do

- A. tăng xuất khẩu các mặt hàng chế biến, giảm hàng sơ chế.
- B. nhu cầu nhập khẩu giảm, tự sản xuất được nhiều máy móc.
- C. thị trường tiêu thụ mở rộng, người dân thay đổi tiêu dùng.
- D. xuất khẩu tăng nhanh, thu hút nhiều vốn đầu tư nước ngoài.

Câu 6: Tuyến vận tải đường sắt quan trọng nhất nước ta là

- A. đường sắt Thống Nhất.
- B. Hà Nội - Lào Cai.
- C. Hà Nội - Hải Phòng.
- D. Hà Nội - Đồng Đăng.

Câu 7: Ngành hàng không có bước tiến rất nhanh do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

- A. Lượng khách du lịch quốc tế lớn.
- B. Chiến lược phát triển táo bạo.
- C. Lao động có trình độ cao.
- D. Đảm bảo tính an toàn tuyệt đối.

Câu 8: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với ngành hàng không của nước ta hiện nay?

- A. Cơ sở vật chất hiện đại hóa nhanh chóng.
- B. Ngành non trẻ nhưng phát triển rất nhanh.
- C. Mở nhiều đường bay thẳng đến các nước.
- D. Vận chuyển khối lượng hàng hóa lớn nhất.

Câu 9: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về giao thông đường sông nước ta hiện nay?

- A. Tập trung chủ yếu ở các đồng bằng.
- B. Đường sông dày đặc khắp cả nước.
- C. Phương tiện vận tải ít được cải tiến.
- D. Trang thiết bị cảng sông còn lạc hậu.

Câu 10: Loại hình nào sau đây **không** thuộc mạng lưới thông tin liên lạc?

- A. mạng điện thoại. B. mạng phi thoại. C. mạng truyền dẫn. D. mạng kỹ thuật số.

Câu 11: Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với mạng lưới giao thông vận tải nước ta?

- A. Hòa nhập vào mạng lưới giao thông vận tải của khu vực.
B. Phát triển khá toàn diện, gồm nhiều loại hình khác nhau.
C. Vận tải đường biển có tỉ trọng luân chuyển hàng hóa lớn nhất.
D. Đường hàng không có tỉ trọng luân chuyển hành khách lớn nhất.

Câu 12: Hai thành phố được nối với nhau bằng đường sắt là

- A. Hải Phòng - Hạ Long. B. Hà Nội - Hà Giang.
C. Đà Lạt - Đà Nẵng. D. Hà Nội - Thái Nguyên.

Câu 13: Tuyến đường bộ huyết mạch theo hướng Bắc - Nam ở nước ta hiện nay là

- A. đường sắt Thống Nhất. B. quốc lộ 1.
C. đường Hồ Chí Minh. D. quốc lộ 14.

Câu 14: Khả năng vận chuyển hàng hóa và hành khách của giao thông vận tải đường sông lớn nhất ở vùng

- A. Đồng bằng sông Hồng. B. Bắc Trung Bộ.
C. Đông Nam Bộ. D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 15: Khó khăn về tự nhiên của Trung du và miền núi Bắc Bộ khi phát triển cây công nghiệp, cây đặc sản và cây ăn quả là

- A. hiện tượng rét đậm, rét hại, sương muối. B. đất thường xuyên bị rửa trôi, xói mòn.
C. thường xuyên chịu ảnh hưởng của lũ quét. D. địa hình nhiều đồi núi và cao nguyên.

Câu 16: Đây là một trong những đặc điểm của mạng lưới đường ô tô của nước ta?

- A. Mật độ cao nhất Đông Nam Á. B. Hơn một nửa đã được trải nhựa.
C. Về cơ bản đã phủ kín các vùng. D. Đều chạy theo hướng Bắc - Nam.

Câu 17: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với vận tải đường ống nước ta?

- A. Có lịch sử xuất hiện và phát triển chưa lâu. B. Gắn với sự phát triển của ngành dầu khí.
C. Mạng lưới phát triển rộng khắp cả nước. D. Vận chuyển chủ yếu là chất lỏng, chất khí.

Câu 18: Các loại hình giao thông vận tải nào sau đây ở nước ta có nhiều lợi thế trong quá trình hội nhập kinh tế thế giới?

- A. Đường biển và đường sắt. B. Đường bộ và đường sông.
C. Đường bộ và đường hàng không. D. Đường hàng không và đường biển.

Câu 19: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với ý nghĩa của quốc lộ 1 ở nước ta?

- A. Kết nối hầu hết các vùng kinh tế. B. Tạo thuận lợi giao lưu Đông - Tây.

C. Tạo thuận lợi giao lưu Bắc - Nam. D. Thúc đẩy nhiều đô thị lớn phát triển.

Câu 20: Việc đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp ở trung du và miền núi nước ta có ý nghĩa chủ yếu nào sau đây?

- A. Tạo tập quán sản xuất mới, giải quyết việc làm cho lao động.
B. Sử dụng hợp lý tài nguyên, phát triển nông nghiệp hàng hóa.
C. Tạo thêm nhiều việc làm, thay đổi cơ cấu kinh tế nông thôn.
D. Khai thác các thế mạnh, tăng cường phân hóa theo lãnh thổ.

Câu 21: Thế mạnh nông nghiệp của vùng Trung du và miền núi nước ta là

- A. chăn nuôi gia súc lớn và cây lương thực. B. cây lương thực và chăn nuôi gia súc nhỏ.
C. cây lâu năm và chăn nuôi gia cầm. D. cây lâu năm và chăn nuôi gia súc lớn.

Câu 22: Vùng kinh tế nào sau đây của nước ta có duy nhất một tỉnh giáp biển?

- A. Đông Nam Bộ. B. Trung du và miền núi Bắc Bộ.
C. Bắc Trung Bộ. D. Đồng bằng sông Hồng.

Câu 23: Nguồn thức ăn cho chăn nuôi gia súc lớn ở Trung du và miền núi nước ta chủ yếu dựa vào

- A. hoa màu lương thực. B. phụ phẩm thủy sản. C. thức ăn công nghiệp. D. đồng cỏ tự nhiên.

Câu 24: Tỉnh duy nhất của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có biển là

- A. Lào Cai. B. Lạng Sơn. C. Bắc Giang. D. Quảng Ninh.

Câu 25: Tỉnh của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc là

- A. Thái Nguyên. B. Lạng Sơn. C. Phú Thọ. D. Quảng Ninh.

Câu 26: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Diện tích lớn nhất so với các vùng khác. B. Phân hóa thành hai tiểu vùng.
C. Dân số đông nhất so với các vùng khác. D. Giáp cả Trung Quốc và Lào.

Câu 27: Loại khoáng sản kim loại có nhiều nhất ở Tây Bắc là

- A. đồng, niken. B. thiếc, bôxit. C. đồng, vàng. D. apatit, sắt.

Câu 28: Loại khoáng sản nguyên liệu quan trọng để sản xuất phân lân và có trữ lượng lớn ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. pirit. B. graphit. C. apatit. D. mica.

Câu 29: Nguồn than khai thác ở Trung du và miền núi Bắc Bộ được sử dụng chủ yếu cho

- A. nhiệt điện và hóa chất. B. nhiệt điện và xuất khẩu.
C. nhiệt điện và luyện kim. D. luyện kim và xuất khẩu.

Câu 30: Mỏ apatit lớn nhất ở Trung du và miền núi Bắc Bộ thuộc tỉnh

- A. Quảng Ninh. B. Cao Bằng. C. Yên Bái. D. Lào Cai.

Câu 31: Sông có trữ năng thủy điện lớn nhất vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. sông Gâm. B. sông Đà. C. sông Chảy. D. sông Lô.

Câu 32: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về hạn chế tự nhiên chủ yếu của Đồng bằng sông Hồng?

- A. Thiếu nguyên liệu cho phát triển công nghiệp. B. Một số tài nguyên thiên nhiên đang xuống cấp.
C. Có nhiều thiên tai như bão, lũ lụt, hạn hán... D. Hiện tượng xâm nhập mặn diễn ra nghiêm trọng.

Câu 33: Phát biểu nào sau đây đúng với tình hình phát triển ngành du lịch nước ta?

- A. Số lượt khách nội địa ít hơn lượt khách quốc tế.
B. Doanh thu từ du lịch và số lượt khách đều tăng.
C. Khách quốc tế chiếm tỉ trọng cao hơn khách nội địa.
D. Số lượt khách quốc tế đến nước ta có xu hướng giảm.

Câu 34: Tài nguyên du lịch nhân văn bao gồm

- A. khí hậu, nước, sinh vật, lễ hội. B. di tích, lễ hội, làng nghề, ẩm thực.
C. địa hình, khí hậu, nước, sinh vật. D. địa hình, di tích, lễ hội, sinh vật.

Câu 35: Khu vực chiếm tỉ trọng cao nhất trong hoạt động nội thương của nước ta là

- A. nhà nước. B. tập thể. C. tư nhân cá thể. D. ngoài nhà nước.

Câu 36: Sau Đổi mới, hoạt động buôn bán của nước ta ngày càng mở rộng theo hướng

- A. chú trọng vào thị trường Nga và Đông Âu. B. chủ yếu tập trung vào thị trường Đông Nam Á.
C. đa dạng hoá, đa phương hoá thị trường. D. chủ yếu tập trung vào thị trường Trung Quốc.

Câu 37: Vịnh Hạ Long là di sản thiên nhiên thế giới của nước ta thuộc tỉnh

- A. Quảng Ninh. B. Ninh Bình. C. Hải Phòng. D. Quảng Bình.

Câu 38: Tài nguyên du lịch tự nhiên bao gồm

- A. khí hậu, nước, sinh vật, lễ hội. B. địa hình, sinh vật, làng nghề, ẩm thực.
C. địa hình, khí hậu, nước, sinh vật. D. địa hình, di tích, lễ hội, sinh vật.

Câu 39: Vùng bờ biển tập trung nhiều bãi tắm đẹp có giá trị hàng đầu đối với hoạt động du lịch biển ở nước ta là

- A. Đồng bằng sông Hồng. B. Bắc Trung Bộ.
C. Duyên hải Nam Trung Bộ. D. Đông Nam Bộ.

Câu 40: Miền núi nước ta có thuận lợi nào sau đây để phát triển du lịch ?

- A. Giao thông thuận lợi. B. Khí hậu ổn định, ít thiên tai.

C. Có nguồn nhân lực dồi dào.

D. Cảnh quan thiên nhiên đẹp.

Câu 41: Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu của nước ta là

A. công nghiệp nặng và khoáng sản.

B. hàng tiêu dùng.

C. nguyên liệu, tư liệu sản xuất.

D. công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp.

Câu 42: Nước ta đã hình thành thị trường thống nhất từ sau sự kiện nào sau đây?

A. Đất nước gia nhập WTO.

B. Thực hiện công cuộc Đổi mới từ năm 1986.

C. Sau khi kết thúc chiến tranh năm 1975.

D. Bình thường hóa quan hệ với Hoa kì.

Câu 43: Chuyên môn hóa sản xuất cây công nghiệp lâu năm ở Bắc Trung Bộ chủ yếu dựa vào điều kiện thuận lợi nào sau đây?

A. Đất badan màu mỡ ở vùng đồi trước núi.

B. Đất cát pha ở các đồng bằng ven biển.

C. Dân có kinh nghiệm chinh phục tự nhiên.

D. Có một số cơ sở công nghiệp chế biến.

Câu 44: Phải đặt ra vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở Đồng bằng sông Hồng chủ yếu do

A. đây là vùng có nhiều tiềm năng để phát triển kinh tế.

B. sức ép dân số đối với kinh tế - xã hội và môi trường.

C. tài nguyên thiên nhiên của vùng kém phong phú.

D. cơ cấu kinh tế theo ngành của vùng chưa hợp lí.

Câu 45: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với Đồng bằng sông Hồng?

A. Có nhiều thiên tai như bão, lũ lụt, hạn hán.

B. Số dân đông, mật độ cao nhất cả nước.

C. Tài nguyên đất, nước trên mặt xuống cấp.

D. Có đầy đủ khoáng sản cho công nghiệp.

Câu 46: Vùng Đồng bằng sông Hồng **không** có đặc điểm nào sau đây?

A. Đất trong đê được phù sa bồi đắp hàng năm.

B. Địa hình cao ở phía tây và tây bắc.

C. Có hệ thống đê ven sông ngăn lũ.

D. Bề mặt đồng bằng bị chia cắt thành nhiều ô.

Câu 47: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về thế mạnh của Đồng bằng sông Hồng?

A. Nguồn lao động có trình độ kĩ thuật cao.

B. Tập trung nhiều trung tâm kinh tế lớn.

C. Cơ sở vật chất kĩ thuật tương đối tốt.

D. Tài nguyên khoáng sản rất phong phú.

Câu 48: Đồng bằng sông Hồng là sản phẩm bồi tụ phù sa của hệ thống sông nào sau đây?

A. hệ thống sông Hồng và sông Cầu.

B. hệ thống sông Hồng và sông Thương.

C. hệ thống sông Hồng và sông Lục Nam.

D. hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình.

Câu 49: Duyên hải Nam Trung Bộ hiện nay phát triển mạnh

A. cây ăn quả ôn đới, nuôi gia cầm.

B. đánh bắt gần bờ, sản xuất muối.

C. khai thác than nâu, điện mặt trời.

D. đánh bắt xa bờ, du lịch biển đảo.

Câu 50: Giải pháp nào sau đây là quan trọng nhất để nâng cao giá trị sản xuất của cây công nghiệp ở Tây Nguyên?

A. Mở rộng thêm diện tích trồng trọt.

B. Đẩy mạnh chế biến sản phẩm.

C. Đa dạng hóa cơ cấu cây trồng.

D. Quy hoạch các vùng chuyên canh.

Câu 51: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển các vùng chuyên canh cây công nghiệp ở Tây Nguyên là

A. sử dụng hợp lí tài nguyên, tạo sản phẩm hàng hóa.

B. nâng cao trình độ của người lao động, bảo vệ môi trường.

C. tạo ra mô hình sản xuất mới, giải quyết việc làm.

D. hạn chế nạn du canh, góp phần phân bố lại dân cư.

Câu 52: Khó khăn tự nhiên nào sau đây là lớn nhất trong phát triển cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên?

A. Địa hình phân hóa khá đa dạng.

B. Đất bị xói mòn ngày càng mạnh.

C. Thiếu nước vào thời kì mùa khô.

D. Suy giảm nhanh diện tích rừng.

Câu 53: Du lịch biển Duyên hải Nam Trung Bộ phát triển hơn Bắc Trung Bộ là:

A. Vùng biển Nam Trung Bộ có số giờ nắng nhiều, không có gió mùa Đông Bắc.

B. Do kinh tế phát triển, người dân có kinh nghiệm kinh doanh du lịch.

C. Duyên hải Nam Trung Bộ có nhiều bãi tắm đẹp.

D. Do vị trí Nam Trung Bộ thuận lợi hơn.

Câu 54. Khoáng sản Apatit ở Lào Cai được khai thác để sản xuất

- A. phân lân. B. phân đạm. C. phân kali. D. phân hữu cơ.

Câu 55: Giải pháp chủ yếu đẩy mạnh khai thác lãnh thổ theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ là

- A. tập trung vốn đầu tư, phát triển khoa học công nghệ.
B. nâng cao trình độ lao động, hoàn thiện cơ sở hạ tầng.
C. đẩy mạnh khai thác khoáng sản, đảm bảo năng lượng.
D. hiện đại cơ sở vật chất kĩ thuật, mở rộng thị trường.

Câu 56. Để khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên ở Trung du và miền núi Bắc Bộ trước hết cần phải

- A. sử dụng tốt nguồn lao động tại chỗ.
B. phân bố các cơ sở công nghiệp chế biến gần nguồn nguyên liệu.
C. đào tạo cán bộ khoa học kĩ thuật.
D. hoàn thiện cơ sở hạ tầng giao thông vận tải, năng lượng.

Câu 57. Ở Trung du và miền núi Bắc Bộ, biện pháp đem lại hiệu quả cao về kinh tế - xã hội và môi trường là

- A. phát triển giao thông vận tải lên các vùng dân tộc ít người.
B. áp dụng khoa học kĩ thuật hiện đại vào khai thác tài nguyên.
C. chuyển một phần nương rẫy thành vườn cây ăn quả và cây CN.
D. đẩy mạnh thâm canh cây lương thực ở nơi có điều kiện thích hợp.

Câu 58: Thế mạnh tự nhiên tạo điều kiện thuận lợi nhất cho việc phát triển ngành đánh bắt thủy sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ là:

- A. Đường bờ biển dài, nhiều bãi tôm, bãi cá và các loại hải sản
B. Vùng biển có nhiều loại có giá trị kinh tế cao
C. Bờ biển có nhiều vịnh để xây dựng cảng cá
D. Vùng biển ít chịu ảnh hưởng của bão, gió mùa đông bắc.

Câu 59: Để khai thác theo chiều sâu trong công nghiệp có hiệu quả lâu dài, Đông Nam Bộ cần quan tâm chủ yếu đến vấn đề nào sau đây?

- A. Phát triển cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kĩ thuật.
B. Sử dụng hợp lí số lao động đông và có trình độ.
C. Sử dụng hợp lí tài nguyên và bảo vệ môi trường.
D. Thu hút đầu tư về vốn, khoa học và công nghệ.

Câu 60: Tiềm năng lớn nhất của Duyên hải Nam Trung Bộ là:

- A. khai thác và chế biến khoáng sản. B. thủy điện.
C. tổng hợp kinh tế biển. D. phát triển nông nghiệp.

Câu 61: Cơ cấu công nghiệp của vùng Bắc Trung Bộ chưa thật định hình là do:

- A. thiếu nguồn lao động, đặc biệt lao động có tay nghề.
B. những hạn chế về điều kiện kỹ thuật, vốn.
C. hạn chế về nguồn nguyên liệu nông, lâm, thủy sản.
D. không có tài nguyên khoáng sản có trữ lượng lớn.

Câu 62: Sự hình thành cấu nông – lâm – ngư nghiệp ở Bắc Trung Bộ là tạo thế liên hoàn phát triển cơ cấu kinh tế theo không gian vì:

- A. tất cả các tỉnh đều tiếp giáp biển, có đồng bằng ven biển, vùng đồi núi.
B. có thế mạnh phát triển ngư nghiệp.
C. là vùng giàu tài nguyên rừng.
D. đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Câu 63: Nước ngọt là vấn đề quan trọng hàng đầu đối với việc sử dụng hợp lí đất đai ở Đồng bằng sông Cửu Long vì

- A. nước ngọt rất cần thiết cho phát triển nuôi trồng thủy sản.

B. đất bị nhiễm phèn, nhiễm mặn, cần nước ngọt để cải tạo.

C. thiếu nước ngọt cho đời sống sinh hoạt và sản xuất.

D. thiếu nước ngọt cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp.

Câu 64: Hạn chế lớn nhất đối với phát triển công nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng là:

A. tài nguyên khoáng sản không thật phong phú.

B. cơ sở vật chất- kĩ thuật chưa đồng bộ.

C. chất lượng nguồn lao động còn hạn chế.

D. thu hút đầu tư nước ngoài vào phát triển công nghiệp còn hạn chế.

Câu 65: Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến năng suất lúa ở đồng bằng sông Hồng cao nhất cả nước là:

A. lịch sử khai thác lâu đời.

B. trình độ thâm canh cao.

C. đất đai màu mỡ.

D. cơ sở hạ tầng tốt.

Câu 66 : Trong cơ cấu sử dụng đất ở đồng bằng sông Hồng, loại đất nào chiếm tỉ lệ cao nhất?

A. Đất ở.

B. Đất chuyên dùng.

C. Đất nông nghiệp.

D. Đất chưa sử dụng, sông suối.

Câu 67: Giải pháp chủ yếu ứng phó với biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long là

A. phân bố lại dân cư và sử dụng hiệu quả nguồn lao động.

B. sử dụng hợp lí tài nguyên và chuyển đổi cơ cấu kinh tế.

C. bố trí các khu dân cư hợp lí và xây dựng các hệ thống đê.

D. khai thác tổng hợp tài nguyên biển và bảo vệ môi trường.

Câu 95. Hạn chế về mặt khí hậu của Đồng bằng sông Cửu Long đối với phát triển nông nghiệp là

A. mùa khô kéo dài thiếu nước nghiêm trọng. **B.** tài nguyên khoáng sản hạn chế.

C. thường xuyên chịu tác động của thiên tai. **D.** đất quá chặt, khó thoát nước, thiếu dinh dưỡng.

Câu 69: Đặc điểm **không** đúng với vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là:

A. có diện tích lớn nhất so với các vùng khác. **B.** có sự phân hóa thành hai tiểu vùng.

C. có số dân đông nhất so với các vùng khác. **D.** giáp Trung Quốc và Lào.

Câu 70: Trung du và miền núi Bắc Bộ có điều kiện thuận lợi để phát triển một số ngành công nghiệp nặng do:

A. Có nguồn thủy sản và lâm sản to lớn. **B.** Có nguồn năng lượng và khoáng sản dồi dào.

C. Có sản phẩm cây công nghiệp đa dạng. **D.** Có nguồn lương thực, thực phẩm phong phú.

Câu 71: Nguyên nhân nào dưới đây là quan trọng nhất làm cho ngành du lịch nước ta phát triển nhanh từ đầu thập kỉ 90 đến nay?

A. Nhiều tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn được đưa vào khai thác.

B. Hệ thống cơ sở lưu trú, dịch vụ du lịch ngày càng phát triển.

C. Chính sách Đổi mới của nhà nước.

D. Môi trường hòa bình, người dân thân thiện, mến khách.

Câu 72: Trong những năm gần đây, mạng lưới đường bộ nước ta đã được mở rộng và hiện đại nguyên nhân chủ yếu nhất là do

A. nền kinh tế đang phát triển với tốc độ nhanh nên nhu cầu lớn.

B. điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển giao thông đường bộ.

C. huy động được các nguồn vốn, tập trung đầu tư phát triển.

D. dân số đông, tăng nhanh nên nhu cầu đi lại ngày càng tăng.

Câu 73: Ngành giao thông vận tải nào sau đây có khối lượng luân chuyển hàng hóa lớn nhất ở nước ta hiện nay?

A. Đường sắt.

B. Đường bộ.

C. Hàng không.

D. Đường biển.

Câu 74: Phát biểu nào sau đây đúng với giao thông đường bộ (đường ô tô) ở nước ta hiện nay?

A. Chưa hội nhập vào đường xuyên Á.

B. Phương tiện hầu hết cũ kĩ, lạc hậu.

C. Mạng lưới đường được mở rộng.

D. Tập trung chủ yếu ở dọc ven biển.

Câu 75: Biện pháp chủ yếu để tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp nước ta là

- A. thu hút nhiều thành phần kinh tế tham gia.
- B. xây dựng cơ cấu ngành tương đối linh hoạt.
- C. đầu tư theo chiều sâu, đổi mới công nghệ
- D. đảm bảo nguyên liệu ,chú trọng xuất khẩu

Câu 76. Để khai thác lãnh thổ theo chiều sâu trong nông nghiệp ở Đông Nam Bộ, biện pháp có ý nghĩa hàng đầu là

- A. Xây dựng và phát triển thủy lợi.
- B. Thay đổi cơ cấu cây trồng.
- C. Bảo vệ vốn rừng.
- D. Đẩy mạnh công nghiệp chế biến sau thu hoạch.

Câu 77: Mục đích chủ yếu của việc khai thác lãnh thổ theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ là

- A. khai thác có hiệu quả các nguồn lực và bảo vệ môi trường.
- B. sử dụng hợp lí nguồn tài nguyên và giải quyết việc làm.
- C. giải quyết tốt các vấn đề xã hội và đa dạng hóa nền kinh tế.
- D. chuyển dịch cơ cấu kinh tế và khai thác hợp lí tài nguyên.

Câu 78: Vùng nông nghiệp Đông Nam Bộ chuyên môn hóa sản xuất cây cao su dựa trên thuận lợi chủ yếu là

- A. có ít thiên tai bão, lũ, và không có mùa đông lạnh.
- B. nguồn nước dồi dào, có nhiều giống cây thích hợp.
- C. nhiều đất badan và đất xám, khí hậu cận xích đạo.
- D. địa hình bán bình nguyên, nhiệt độ cao quanh năm.

Câu 79: Nhân tố nào sau đây là quan trọng nhất giúp Đông Nam Bộ sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên trong phát triển kinh tế?

- A. Cơ sở vật chất kĩ thuật đồng bộ.
- B. Chính sách phát triển phù hợp.
- C. Kinh tế hàng hóa sớm phát triển.
- D. Nguồn lao động lành nghề đông.

Câu 80: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển công nghiệp dầu khí ở Đông Nam Bộ là

- A. làm sâu sắc sự phân hóa lãnh thổ, thu hút vốn đầu tư.
- B. tăng cường các quan hệ quốc tế, tăng vị thế của vùng.
- C. góp phần đa dạng cơ cấu kinh tế, tạo nhiều việc làm.
- D. Để tạo sản phẩm có giá trị, đẩy nhanh phát triển kinh tế.

Câu 81. Khoáng sản đá vôi của Đồng bằng sông Cửu Long tập trung ở tỉnh

- A. An Giang.
- B. Đồng Tháp.
- C. Kiên Giang.
- D. Hậu Giang.

Câu 82: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với tài nguyên đất của Đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Đất bị xâm thực, xói mòn và bạc màu chiếm diện tích rộng.
- B. Đất phèn và đất mặn có diện tích lớn hơn đất phù sa ngọt.
- C. Đất phù sa ngọt phân bố thành dải dọc sông Tiền, sông Hậu.
- D. Một vài loại đất thiếu dinh dưỡng hoặc đất quá chặt, khó thoát nước.

Câu 83: Khó khăn lớn nhất vào mùa khô của Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. mực nước sông thấp, thủy triều ảnh hưởng mạnh.
- B. nguy cơ cháy rừng cao, đất nhiễm mặn hoặc phèn.
- C. đất nhiễm mặn hoặc phèn, mực nước ngầm hạ thấp.
- D. thiếu nước ngọt trầm trọng, xâm nhập mặn lấn sâu.

Câu 92. Đông Nam Bộ có diện tích 23,6 nghìn Km², dân số 12 triệu người (năm 2006), vậy mật độ dân số là

- A. 196 người/ Km².
- B. 408 người/ Km².
- C. 508 người/ Km².
- D. 601 người/ Km².

Câu 85. Thế mạnh kinh tế biển quan trọng nhất của Đồng bằng sông Hồng là

- A. giao thông, du lịch, thủy hải sản.
- B. khoáng sản, đánh bắt nuôi trồng thủy sản.
- C. du lịch, đóng tàu, giao thông.
- D. làm muối, du lịch biển, đảo.

Câu 86. xu hướng chuyển dịch cơ cấu khu vực II ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. ưu tiên phát triển công nghiệp nặng.
- B. gắn việc hình thành các ngành công nghiệp trọng điểm.
- C. chú trọng phát triển công nghiệp nhẹ.
- D. đẩy mạnh phát triển các ngành công nghệ cao.

Câu 87. Thiên tai chính ở Đồng bằng sông Hồng trong thời vụ đông xuân là

- A. mưa, lũ.
- B. bão, lụt.
- C. rét, hạn.
- D. đất nhiễm phèn.

Câu 88. Điểm nào sau đây **không đúng** với vị trí địa lý của Đồng bằng sông Hồng?

- A. Nằm trong vùng kinh tế trọng điểm.
- B. Giáp với Trung Quốc và Lào.
- C. Giáp với vịnh Bắc Bộ.
- D. Giáp với vùng Trung du Miền núi Bắc Bộ.

Câu 89. Nhận định nào đúng nhất về sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của vùng Đồng bằng sông Hồng ?

- A. Có sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng nông nghiệp hóa, hiện đại hóa.
- B. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm, nhưng đã phát huy được thế mạnh của vùng.
- C. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế tương đối nhanh nhưng nông nghiệp vẫn chiếm tỉ trọng cao.
- D. Có sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực, tuy nhiên diễn ra còn chậm.

Câu 90. Đặc điểm khí hậu của Đồng bằng sông Hồng có những nét tương đồng với vào mùa đông

- A. khu vực Tây Bắc.
- B. khu vực Đông Bắc.
- C. khu vực Bắc Trung Bộ.
- D. Trung du miền núi Bắc Bộ.

Câu 91. Về mặt xã hội, sức ép dân số đã làm cho Đồng bằng sông Hồng

- A. có thu nhập bình quân đầu người hàng tháng thấp nhất nước.
- B. có tỉ lệ đất bình quân nông nghiệp theo người thấp nhất nước.
- C. có lương thực bình quân đầu người thấp nhất nước.
- D. tỉ lệ thất nghiệp ở thành thị thấp nhất nước.

Câu 92. Việc trồng rừng phòng hộ ven biển ở vùng Bắc Trung Bộ nhằm mục đích chủ yếu là

- A. bảo vệ môi trường sống của các loài sinh vật.
- B. điều hòa nguồn nước, hạn chế lũ.
- C. ngăn chặn nạn cát bay, sạt lở bờ biển.
- D. làm giảm tác động của thủy triều.

Câu 93. Hiện nay, ở Bắc Trung Bộ rừng giàu tập trung chủ yếu ở

- A. vùng giáp biên giới Việt – Lào.
- B. các tỉnh Nghệ An, Thanh Hóa, Quảng Bình.
- C. vùng núi cao phía Tây.
- D. vùng trung du và đồng bằng ven biển.

Câu 94. Tỉnh nào sau đây ở Bắc Trung Bộ trồng nhiều cây cà phê và chè?

- A. Nghệ An.
- B. Quảng Trị.
- C. Quảng Bình.
- D. Hà Tĩnh.

Câu 95. Cơ cấu kinh tế nông thôn vùng ven biển Bắc Trung Bộ có sự thay đổi là do

- A. sự phát triển hoạt động đánh bắt xa bờ.
- B. sự hình thành nhiều cảng biển.
- C. sự phát triển ngành du lịch biển.
- D. việc nuôi trồng thủy sản nước lợ, nước mặn phát triển mạnh.

Câu 96. Bắc Trung Bộ bao gồm các tỉnh từ

- A. Nghệ An đến Quảng Bình.
- B. Thanh Hóa đến Quảng Bình.
- C. Thanh Hóa đến Thừa Thiên Huế.
- D. Nghệ An đến Thừa Thiên Huế.

Câu 97. Việc hình thành cơ cấu nông – lâm – ngư của vùng Bắc Trung Bộ xuất phát từ nguyên nhân

- A. Sự phân hóa điều kiện tự nhiên, dân cư, xã hội.
- B. Nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
- C. Xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
- D. Tạo ra việc làm, cải thiện đời sống nhân dân.

Câu 98. Đặc điểm nào sau đây **không đúng** về vị trí địa lý của Bắc Trung Bộ?

- A. Cửa ngõ thông ra biển của Lào.
- B. Cầu nối giữa vùng kinh tế phía Bắc và phía Nam.
- C. Nằm trong vùng có nhiều thiên tai.
- D. Nằm hoàn toàn trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

Câu 99. Phát biểu nào sau đây **không đúng** khi nói về hiện trạng công nghiệp của vùng Bắc Trung Bộ?

- A. Chưa thật sự định hình, còn nhiều biến đổi.
- B. Công nghiệp sản xuất xi măng là ngành quan trọng nhất của vùng.
- C. Thanh Hóa là trung tâm công nghiệp lớn, có lợi thế phát triển nhất.

D. Công nghiệp còn hạn chế về kĩ thuật, vốn.

Câu 100. Thành phố nào sau đây của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là thành phố trực thuộc trung ương?

- A. Đà Nẵng. B. Nha Trang. C. Quy Nhơn. D. Tuy Hòa.

Câu 101. Điều kiện nào sau đây thuận lợi cho việc nuôi trồng thủy sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. bờ biển dài có nhiều vịnh, đầm phá. B. có nhiều bãi cá, bãi tôm.
C. nhiều ao, hồ, sông, suối. D. Có nhiều bãi triều thấp.

Câu 102. Khoáng sản chủ yếu ở thềm lục địa của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. vật liệu xây dựng. B. dầu khí. C. cát, thủy tinh. D. muối.

Câu 103. Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Tất cả các tỉnh đều giáp biển. B. Vùng có các đồng bằng rộng lớn ven biển.
C. Vùng có vùng biển rộng lớn ở phía Đông. D. Vùng phía Tây của vùng có đồi núi thấp.

Câu 104. Điểm nào sau đây **không đúng** với tiềm năng phát triển nghề cá vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Bờ biển có nhiều vịnh, đầm phá. B. Bờ biển dài có nhiều bãi tôm, bãi cá.
C. Sản lượng đánh bắt và nuôi trồng thủy sản nhỏ. D. Tỉnh nào cũng giáp biển.

Câu 105. Các tuyến đường Bắc – Nam chạy qua vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. quốc lộ 1A, đường 14. B. quốc lộ 1A, đường sắt Bắc – Nam
C. quốc lộ 1A, đường Hồ Chí Minh. D. đường sắt Bắc – Nam, Đường Hồ Chí Minh.

Câu 106. Trong phát triển nông nghiệp ở Duyên Hải Nam Trung Bộ, ngành có thể mạnh lớn nhất là

- A. trồng lúa, cây công nghiệp hàng năm. B. phát triển nuôi trồng và khai thác hải sản.
C. cây công nghiệp hằng năm và nuôi tôm xuất khẩu. D. nuôi tôm xuất khẩu.

Câu 107. Vấn đề đặc biệt chú ý trong việc phát triển ngư nghiệp của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. giảm việc khai thác để duy trì trữ lượng thủy sản.
B. khai thác hợp lí đi đôi với việc bảo vệ nguồn lợi thủy sản.
C. hạn chế việc nuôi trồng để bảo vệ môi trường ven biển.
D. ngừng hẳn việc khai thác ven bờ, đầu tư đánh bắt xa bờ.

Câu 108. Nhà máy thủy điện Yaly được xây dựng trên sông

- A. Xe Xan. B. Xrê Pôk. C. Đồng Nai. D. Thu Bồn.

Câu 109: Khó khăn lớn nhất trong phát triển cây cà phê ở Tây Nguyên hiện nay là

- A. thiếu lao động có trình độ kĩ thuật cao. B. giống cây trồng cho năng suất chưa cao.
C. thị trường xuất khẩu có nhiều biến động. D. công nghiệp chế biến còn chậm phát triển.

Câu 110. Vùng nào của nước ta được gọi là “Kho vàng xanh”?

- A. Trung du miền núi Bắc bộ. B. Bắc Trung Bộ.
C. Tây Nguyên. D. Đông Nam Bộ.

Câu 111. Đặc điểm nào sau đây **không đúng** khi nói về khó khăn trong kinh tế - xã hội của Tây Nguyên?

- A. Lao động lành nghề, trình độ cao. B. Mức sống người dân thấp.
C. Cơ sở hạ tầng kém phát triển. D. Công nghiệp ở giai đoạn mới hình thành.

Câu 112. Nhận định nào sau đây **không đúng** trong việc nâng cao hiệu quả sản xuất cây công nghiệp ở Tây Nguyên?

- A. Quy hoạch các vùng chuyên canh. B. Đa dạng hóa cơ cấu cây công nghiệp.
C. Đẩy mạnh công nghiệp chế biến. D. Lực lượng lao động có trình độ cao.

Câu 113. Nguyên nhân thu hút nhiều lao động đến Tây Nguyên là

- A. thu hút vốn đầu tư nước ngoài. B. có nền kinh tế hàng hóa sớm phát triển.
C. hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp. D. có cơ sở vật chất kĩ thuật phát triển.

Câu 114. Nhận định nào sau đây **không đúng** khi nói về lợi ích của các công trình thủy điện ở Tây Nguyên?

- A. Phát triển công nghiệp của vùng.
- C. Nuôi trồng thủy sản.

- B. Phát triển du lịch.
- D. Phát triển lâm nghiệp.

Câu 115. Di sản văn hóa phi vật thể thế giới ở Tây Nguyên

- A. Không gian văn hóa cồng chiêng.
- B. Nhà ngục Kon Tum.
- C. Vải dệt thổ cẩm.
- D. Nhà rông.

Câu 116. Để khai thác lãnh thổ theo chiều sâu trong công nghiệp ở Đông Nam Bộ, vấn đề cần lưu ý hàng đầu là

- A. bảo vệ môi trường.
- B. phát triển cơ sở hạ tầng.
- C. mở rộng thị trường.
- D. phát triển công nghiệp năng lượng.

Câu 117. Một số nhà máy nhiệt điện chạy bằng dầu ở Đông Nam Bộ phục vụ cho

- A. đời sống và sản xuất.
- B. nông nghiệp.
- C. các khu chế xuất.
- D. công nghiệp - xây dựng.

Câu 118. Tỉnh (thành phố) nào sau đây ở Đông Nam Bộ phát triển mạnh du lịch biển

- A. Thành phố Hồ Chí Minh.
- B. Bà Rịa- Vũng Tàu.
- C. Tây Ninh.
- D. Bình Dương.

Câu 119. Nhận định nào sau đây **không đúng** về đặc điểm kinh tế xã hội ở Đông Nam Bộ?

- A. Thu hút mạnh lực lượng lao động có chuyên môn cao.
- B. Kinh tế phát triển năng động.
- C. Thành phố Hồ Chí Minh là thành phố lớn nhất cả nước.
- D. Có mật độ dân số cao nhất cả nước.

Câu 120. Nhân tố nào có ý nghĩa hàng đầu cho việc phát triển kinh tế theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ?

- A. Vị trí địa lý thuận lợi.
- B. Cơ sở vật chất kỹ thuật, hạ tầng phát triển tốt.
- C. Lực lượng lao động có truyền thống của vùng.
- D. Giàu tài nguyên khoáng sản.